

Bản án số: 39/2018/DS-PT

Ngày: 09/03/2018

“V/v Tranh chấp đòi tài sản (nợ hui)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi

Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp đòi tài sản (nợ hui)”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐPT-DS, ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 25/7/2012 âm lịch bà Bùi Thị D làm chủ hui mở một dây hui giá 5.000.000 đồng, gồm có 12 phần hui, 01 năm mở hui 03 lần vào các thời gian là 25/02, 25/7, 25/11, hui có lãi và mỗi kỳ mở hui bà D được hưởng hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị T là hui viên tham gia góp 01 phần hui, khi hui mở lần cuối cùng vào ngày 25/02/2016 âm lịch thì bà T hót hui được số tiền là 52.500.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng cho chủ hui là 2.500.000 đồng. Sau khi hót hui xong thì bà D không giao tiền hui đúng thời gian như đã thỏa thuận, bà D có giao cho bà T được 04 lần với số tiền là 25.000.000 đồng, còn lại 27.500.000 đồng đến nay bà D không trả cho bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T thống nhất cho lại bà Bùi Thị D số tiền 1.500.000 đồng như đã hứa trước đây và chỉ yêu cầu bà D hoàn trả số tiền hui là 26.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị D trình bày: Bà D thống nhất về toàn bộ nội dung hợp đồng góp hui giữa bà Nguyễn Thị T và bà D, thống nhất về thời gian bà T hốt hui và số tiền hui bà T hốt được sau khi trừ tiền hoa hồng là 52.500.000 đồng đúng như bà T đã trình bày trước tòa. Tuy nhiên, sau khi hốt hui xong thì bà D đã giao đủ tiền hui cho bà T, hiện nay không còn nợ bà T số tiền nào, cụ thể bà D đã giao tiền cho bà T 03 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 22.500.000 đồng thì bà D và bà T thỏa thuận bà T sẽ đi gom tiền hui của các hui viên đã hốt hui trước đó, còn việc bà T có gom được tiền hay không thì bà D không biết. Nay bà Bùi Thị D không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 60/2017/DS-ST, ngày 12/12/2017 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn bà Bùi Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền hui là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Bùi Thị D phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/12/2017 bị đơn bà Bùi Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 60/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn thay đổi nội dung đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận thay đổi kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị D là tranh chấp hợp đồng góp hội là chưa chính xác. Bởi lẽ, bà T tham gia chơi hội do bà D làm chủ hội tại đây hội 5.000.000đ và ngày 25/02/2016 bà T là người hót hội cuối cùng, đây hội này đã mãn. Bà T, bà D đã thống nhất số tiền phải giao cho bà T. Nhưng do bà D giao không đủ số tiền mà bà T được nhận, cho nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả lại số tiền chưa giao cho bà T. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án này là “Tranh chấp đòi tài sản (nợ hội)” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn bà Bùi Thị D, theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Cấp phúc thẩm nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Vào ngày 25/7/2012 âm lịch, bà Nguyễn Thị T có tham gia đây hội 5.000.000 đồng do bà Bùi Thị D làm chủ. Đây hội này gồm có 12 phần hội, 01 năm mở hội 03 lần vào các thời gian là 25/02, 25/7, 25/11, hội có lãi và mỗi kỳ mở hội bà D được hưởng hoa hồng số tiền là 2.500.000 đồng. Bà T là hội viên tham gia góp 01 phần hội, khi hội mở lần cuối cùng vào ngày 25/02/2016 âm lịch thì bà T hót hội, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ hội là 2.500.000 đồng thì bà D có nghĩa vụ giao cho bà T số tiền hội là 52.500.000 đồng. Bà T cho rằng sau khi hót hội thì bà D không thực hiện đúng thỏa thuận chỉ giao tiền hội cho bà T 04 lần tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 27.500.000 đồng đến nay không giao. Còn phía bà D thì cho rằng sau khi bà T hót hội thì bà D giao tiền hội cho bà T 03 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 22.500.000 đồng thì bà D và bà T thỏa thuận bà T sẽ đi gom tiền hội của các hội viên đã hót hội trước đó, còn việc bà T có gom được tiền hay không thì bà D không biết. Tòa án nhân dân huyện P tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Bị đơn bà Bùi Thị D không đồng ý với án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 60/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn bà Bùi Thị D thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

[3] Xét nội dung thay đổi kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị D thấy rằng, bà D thừa nhận bà T có hót hội của bà D với số tiền là 52.500.000đ (sau khi trừ cần), nhưng bà D đã giao tiền hội cho bà T 03 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 22.500.000 đồng thì bà D và bà T thỏa thuận bà T sẽ đi gom tiền hội của các hội viên đã hót hội trước đó, còn việc bà T có gom được tiền hay không thì bà D không biết. Bà D cho rằng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 của Tổ hòa giải ấp T để buộc bà phải trả cho bà T số tiền 27.500.000đ là chưa xem xét toàn diện, chưa khách quan.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 của Tổ hòa giải ấp T có ghi nhận lời trình bày của bà D “phần tiền còn lại là 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đến tháng bảy âm lịch tôi sẽ trả cho bà T 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn), phần tiền còn lại khi nào tôi gom được bao nhiêu thì tôi sẽ trả bấy nhiêu”.

Theo đơn kháng cáo và thay đổi kháng cáo bà D cho rằng biên bản hòa giải ghi lời trình bày là do bà T tự khai và các thành viên trong tổ hòa giải ghi nhận, bà D có ký tên trong biên bản hòa giải trên. Tại biên bản lấy lời khai của bà D vào ngày 07/9/2017 (bút lục 12) thì bà D trình bày “chữ ký trong biên bản này là chữ ký của tôi. Tuy nhiên tại thời điểm hòa giải không ai đọc lại biên bản này cho tôi nghe. Ông Trần Hoàng T nói tôi ký tên chỉ thể hiện hòa giải không thành, chứ tôi không thừa nhận nợ”.

Xét thấy lời trình bày của bà D là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì tại thời điểm ký tên vào biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 bà là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trước khi ký tên vào biên bản nêu trên thì bà được quyền xem, được quyền biết nội dung văn bản mà bà ký tên, nhưng bà không thực hiện quyền này của bà thì bà phải tự chịu hậu quả pháp lý do hành vi của bà đã thực hiện. Đồng thời, tại các biên bản xác minh cùng ngày 01/11/2017 đối với Tổ hòa giải ấp T là bà Trần Thị Xuân M, ông Trần Hoàng T, ông Trần Văn B, bà Diệp Thị C thì những người này đều khẳng định tại buổi hòa giải ngày 25/7/2017 thì bà D thừa nhận còn nợ bà T số tiền hui đúng như nội dung trong biên bản hòa giải đã ghi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ngoài lời trình bày thì bà D không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh là bà D đã giao đủ tiền hui cho bà T. Do đó kháng cáo của bà D là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng án sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Bùi Thị D hoàn trả cho bà T số tiền nợ hui là 26.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Cho nên, toàn bộ thay đổi kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị D là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Bùi Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn bà Bùi Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền hụi là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Bùi Thị D phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị D phải chịu 1.300.000 đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 687.500 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0008287, ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000397 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Bà Bùi Thị D đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu HSVA, TDS.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ